

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 314/2024/DS-ST

Ngày: 20/8/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Bé Ba;
- Ông Nguyễn Phúc Viễn;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp LPC, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2001;

Địa chỉ: 676 ấp TTA, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp LPC, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 42/25/16 NTT, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ông Đoàn Phương Q, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp LPC, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Đoàn Phương T2, sinh năm 1996;

2/ Chị Lê Thị Lan C, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Ấp LPC, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh S, ông Q, anh T2, chị C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T1, có đại diện ủy quyền là chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc T1 có tham gia hội do bà Nguyễn Thị T2, ông Đoàn Phương Q làm chủ hội, hội có hoa hồng. Cụ thể những đây hội như sau:

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 01/5/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 04 phần, ghi tên trong danh sách hội là Chung. Đây hội này bà đã hót 02 phần, còn 02 phần hội sống bà đã đóng được 21 kỳ với số tiền 60.900.000 đồng thì bề hội.

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 15/7/2022 âm lịch, gồm có 25 phần, bà tham gia 01 phần, ghi tên trong danh sách hội là Chung. Đây hội này bà đã đóng được 19 kỳ hội sống với số tiền 27.550.000 đồng thì bề hội.

- Đây hội 5.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 20/7/2022 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 01 phần, ghi tên trong danh sách hội là Chung. Đây hội này bà đã đóng được 19 kỳ hội sống với số tiền 69.350.000 đồng thì bề hội.

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 20/9/2022 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 02 phần, ghi tên trong danh sách hội là Thiêm Chung. Đây hội này bà đã đóng được 17 kỳ hội sống với số tiền 49.300.000 đồng thì bề hội.

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 15/11/2022 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 03 phần, ghi tên trong danh sách hội là Thiêm Sáu. Đây hội này bà đã đóng được 15 kỳ hội sống với số tiền 65.250.000 đồng thì bề hội.

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 25/01/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 03 phần, ghi tên trong danh sách hội là Chung. Đây hội này bà đã đóng được 13 kỳ hội sống với số tiền 56.550.000 đồng thì bề hội.

- Đây hội 5.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 05/02/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 01 phần, ghi tên trong danh sách hội là Chung. Đây hội này bà đã đóng được 11 kỳ hội sống với số tiền 40.150.000 đồng thì bề hội.

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 10/02/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà có tên là Thiêm Chung mua lại của chủ hội 01 phần hội với số tiền 37.000.000 đồng.

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 10/02/2022 âm lịch, gồm có 24 phần, bà có tên là Thiêm Chung mua lại của chủ hội 01 phần hội và đã đóng được 24 kỳ hội sống với số tiền 35.520.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng thì bà T2, ông Q còn nợ bà số tiền 34.520.000 đồng.

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 25/4/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 03 phần, ghi tên trong danh sách hội là Thiêm Chung. Đây hội này bà đã đóng được 9 kỳ hội sống với số tiền 39.150.000 đồng thì bề hội.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai hụi ngày 25/6/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 01 phần, ghi tên trong danh sách hụi là Thiểm Chung. Dây hụi này bà đã đóng được 7 kỳ hụi sống với số tiền 25.550.000 đồng thì bẻ hụi.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai hụi ngày 10/8/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 01 phần, ghi tên trong danh sách hụi là Thiểm Chung. Dây hụi này bà đã đóng được 5 kỳ hụi sống với số tiền 7.250.000 đồng thì bẻ hụi.

- Ngày 12/01/2024 âm lịch bà có đóng trước số tiền 20.000.000 đồng, đưa cho con dâu của bà T2 là chị C nhận.

Tất cả các dây hụi trên bà T2 và ông Q đã ngưng gom hụi từ tháng 01/2024 âm lịch mà không trả tiền hụi sống lại cho bà. Tổng cộng bà T2 và ông Q còn nợ bà số tiền hụi là 532.520.000 đồng. Trong quá trình chơi hụi, bà T2 và ông Q làm chủ hụi, còn con trai và con dâu là anh T2 và chị C lập danh sách hụi viên, nhận tiền hụi thay bà T2 và ông Q.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T2, ông Q, anh T2 và chị C liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 532.520.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 10/6/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Năm 1988 bà có kết hôn với ông Đoàn Phương Q và theo chồng về ở làm dâu nhà ba mẹ chồng. Bà đã làm dâu nhiều năm nên không có đi làm, không có nguồn thu nhập ổn định. Vào năm 2008, bà làm hụi góp vốn sẽ có nguồn thu nhập từ chủ hụi tiền đầu thảo để có tiền mua sắm tư trang cá nhân mà không lệ thuộc bên chồng. Giữa năm 2008, bà kêu gọi tham gia hụi và bà là đầu thảo hụi, mỗi tháng mở hụi từ 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bà làm chủ hụi gom hụi, giao hụi đều do các hụi viên thống nhất đồng ý. Công việc làm hụi ổn định đến năm 2021 do dịch bệnh nên hụi viên không có khả năng đóng hụi, bà phải vay mượn tiền để đóng cho các hụi viên. Đến tháng 02/2024 thì bà không có khả năng đóng hụi thay cho các hụi viên đã hốt. Nay bà còn thiếu bà Phạm Thị Ngọc T1 số tiền hụi là 532.520.000 đồng và xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Đoàn Phương Q trình bày:*

Vào năm 1988, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị T2. Ông bà có hai con chung là Đoàn Phương T3 và Đoàn Phương T2. Ông bà sống chung đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống ly thân, việc vô hụi góp vốn ông hoàn toàn không có tham gia.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương T2 và chị Lê Thị Lan C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T2 và chị C vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt, đại diện ủy quyền của bị đơn bà T2 là anh Nguyễn Thanh S,

bị đơn ông Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T2 và chị C vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T1. Buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Đoàn Phương Q có nghĩa vụ trả cho bà T1 số tiền 532.520.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 và ông Đoàn Phương Q trả số tiền nợ hui nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng góp hui” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà T2 và ông Q cư trú tại ấp LPC, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là chị N có đơn xin vắng mặt, đại diện ủy quyền của bị đơn bà T2 là anh S, bị đơn ông Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T2 chị C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Trong quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị N xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T2 và ông Q trả số tiền hui 532.520.000 đồng, không yêu cầu anh T2 và chị C cùng liên đới trả tiền. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bà T1 có tham gia hui do bà T2 làm chủ hui, hui có hoa hồng. Tại bản tự khai, bà T2 thừa nhận là bà có làm chủ hui và bà T1 có tham gia hui với bà. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa bà T1 và bà T2 có xác lập giao dịch hui với nhau theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T2 thừa nhận và thống nhất số tiền hui còn nợ bà T1 là 532.520.000 đồng. Quá trình tham gia hui, bà T1 là hui viên, đóng hui đầy đủ cho bà T2. Hiện nay, các dây hui bà T1 tham gia đều bị bể hui, phía bà T2 không

hoàn trả lại số tiền đóng hui cho bà T1 là vi phạm trách nhiệm của chủ hộ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ. Do đó, bà T1 khởi kiện yêu cầu bà T2 trả số tiền 532.520.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm liên đới: Ông Q trình bày ông và bà T2 là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2000 đến nay, ông hoàn toàn không có tham gia việc tổ chức gom hui của bà T2 nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T1. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà T2, ông Q cư trú thì ông Q, bà T2 hiện vẫn chung sống vợ chồng cùng nhà tại địa chỉ ấp Lương Phú C, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo. Bà T2 làm chủ hui rất lâu, chủ yếu thực hiện việc mở hui và khai hui, ông Q chồng bà T2 cùng con trai và con dâu là anh T2, chị C có nhiệm vụ giúp bà T2 gom hui, nhận tiền hui, giao hui và lập danh sách hui viên. Ngoài việc giúp bà T2 làm hui thì ông Q cũng có thu nhập thêm từ nguồn trồng dừa. Do đó lời trình bày của ông Q cho rằng ông không liên quan gì đến việc tranh chấp hui giữa các hui viên với bà T2 là không có cơ sở mà xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T2 trả tiền cho bà T1 theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tiền lãi: bà T1 không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về thời gian trả: Đại diện ủy quyền của bà T2 tại biên bản hòa giải trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên bà T2 xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và cũng không được phía nguyên đơn đồng ý cho trả dần. Do đó cần buộc bà T2 và ông Q có nghĩa vụ trả cho bà T1 số tiền 532.520.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2024/QĐ-BPKCTT ngày 14/6/2024 về việc phong toàn một phần quyền sử dụng đất diện tích 346m² (Phần đất được ký hiệu T-2), là một phần của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 25, diện tích 3287,7m², đất chuyên trồng lúa nước tại ấp Lương Phú C, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CN29662 do C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chợ Gạo cấp ngày 27/12/2023 cho ông Đoàn Phương Q, sinh năm 1967, căn cước công dân số 082067010036, địa chỉ thường trú: ấp Lương Phú C, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Để đảm bảo cho quá trình thi hành án nên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2024/QĐ-BPKCTT ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T2 và ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

[11] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T1.

Buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Đoàn Phương Q có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc T1 số tiền nợ hui là 532.520.000 đồng (*Năm trăm ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng*). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2024/QĐ-BPKCTT ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T2 và ông Đoàn Phương Q phải chịu 25.301.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị Ngọc T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.650.000 đồng theo biên lai thu số 0007413 ngày 08/4/2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gao.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Chợ Gạo;*
- *C cục THADS huyện Chợ Gạo;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

Phan Thủy Uyên